

KINH DIỆU PHÁP LIÊN  
HOA – Quyển 1

Hán dịch: Tam Tạng Pháp  
Sư Cưu Ma La Thập  
Việt dịch: Hòa thượng  
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA  
Volume I

Chinese translation: Tripitaka  
Dharmabhāṅga Kumārajīva  
English translation: [City of  
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: [support@daotrangtayphuong.org](mailto:support@daotrangtayphuong.org)

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>

- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

## PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” (31) THỨ HAI

1. Lúc bấy giờ, đức Thế-Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Trí-huệ của các đức Phật rất sâu vô lượng,

## PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI (Expedient Devices)

1. At that time the World Honored One arose serenely from samadhi and told Shariputra, “The wisdom of all the Buddhas is extremely profound and unlimited. The gateway to this wisdom is difficult

môn trí huệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh-văn cùng Bích-chi-Phật đều không biết được.

Vì sao? Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức, vô số các đức Phật, trọn tu vô

to understand and difficult to enter. It cannot be known by any of the Hearers or Pratyekabudhas.

What is the reason? The Buddhas have, in the past, drawn near to countless hundreds of thousands of tens of thousands of millions of

lượng đạo pháp của  
các đức Phật,  
dũng mãnh tinh tấn,  
danh tốt đồn khắp,  
trọn nên pháp rất sâu  
chưa từng có,  
theo thời nghi  
mà nói pháp  
ý thú khó hiểu.

Buddhas, exhaustively practicing  
the unlimited dharmas of the Way  
of those Buddhas. They are  
forging ahead with courage and  
vigor and their names are known  
everywhere.” “They have  
accomplished the most profound  
Dharma, one which has never been  
before, and speak of it according  
to what is appropriate, but its  
purport is difficult to understand.”

Xá-Lợi-Phát! Từ ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như-Lai đã

“Shariputra, from the time I realized Buddhahood, I have, by means of various causes and conditions and various analogies, extensively proclaimed the verbal teaching. With countless expedient devices, I have guided living beings, leading them to separate from all attachments.” “Why is this? The Thus Come One has

đầy đủ phương tiện, tri kiến và ba-la-mật.

Xá-Lợi-Phát! Tri kiến của Như-Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô-ngại-lực, vô-sở-úy, thiên-định, giải-thoát tam-muội, đều sâu vào không ngần mé, trọn

already perfected his expedient devices, his knowledge and vision, and the paramitas.”

“Shariputra, the knowledge and vision of the Thus Come One is vast, great, profound, and far-reaching. He has profoundly entered, without boundary, the unlimiteds, the unobstructeds, the powers, the fearlessnesses, the

nên tất cả pháp chưa  
từng có.

Xá-Lợi-Phất! Như-Lai  
hay các món phân biệt,  
khéo nói các pháp lời  
lẽ êm dịu vui đẹp lòng  
chúng.

dhyana concentrations, and the  
samadhis of liberation,  
accomplishing all those dharmas  
never had before.”

“Shariputra, the Thus Come One is  
able to make various  
discriminations, cleverly speaking  
all dharmas. His speech is gentle  
and delights the hearts of the  
multitudes.”

Xá-Lợi-Phát! Tóm yếu mà nói đó, vô lượng vô biên pháp vị tầng hữu, đức Phật thầy đều trọn nên.

2. Thôi Xá-Lợi-Phát! Chẳng cần nói nữa. Vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật

“Shariputra, essentially speaking, the Buddha has fully accomplished all of those unlimited, boundless dharmas which have never been before.”

2. “Stop.” “Shariputra, there is no need to speak further. Why is this? As to that foremost, rare, and hard-to-understand Dharma



trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chân thật của các pháp, nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy,

accomplished by the Buddha—only the Buddhas and the Buddha can exhaust the Real Mark of all dharmas. That is to say with regard to all dharmas: the suchness of the marks, the suchness of the nature, the suchness of the substance, the suchness of the power, the suchness of the function, the suchness of the causes,

duyên như vậy,  
quả như vậy,  
báo như vậy,  
trước sau rốt ráo như  
vậy.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn  
muốn tuyên lại nghĩa  
trên mà nói bài kệ  
rằng:

the suchness of the conditions,  
the suchness of the effects,  
the suchness of the retributions,  
and the suchness of the ultimate  
equality from beginning to end.”

At that time, the World Honored  
One, wishing to restate this  
meaning, spoke verses saying,

3. Đấng Thế-Hùng khó  
lường

Các trời cùng người  
đời

Tất cả loài chúng sanh

Không ai hiểu được

Phật

Trí-lực, vô-sở-úy

Giải thoát các tam-  
muội

3. Illimitable are the heroes of the  
world.

All the gods and people in the  
world,

And all the classes of living beings

Cannot know the Buddhas.

The Buddhas' powers,

fearlessnesses,

Liberations and samadhis,

Các pháp khác của  
Phật

Không ai so lường  
được

Vốn từ vô số Phật

Đầy đủ tu các đạo  
Pháp nhiệm mầu rất  
sâu

Khó thấy khó rõ được

And other dharmas of the Buddhas

Can be fathomed by no one.

Formerly, following countless  
Buddhas,

I perfectly walked all the paths  
Of the wonderful Dharma, subtle  
and deep,

Hard to see and hard to understand

Trong vô lượng ức  
kiếp

Tu các đạo đó rồi  
Đạo tràng được chứng  
quả

Ta đều đã thấy biết

Quả báo lớn như vậy  
Các món tánh tướng  
nghĩa

Through limitless millions of eons,

I walked down all these paths.

In the Bodhimanda, I realized the  
fruit,

And have fully known and seen it  
all.

The great effect and retribution,  
The various natures, marks, and  
meanings,

Ta cùng mười phương  
Phật  
Mới biết được việc đó

4. Pháp đó không chỉ  
được  
Vắng bật tướng nói  
năng

Are such that I and the ten-  
direction Buddhas  
Alone can understand these  
matters.

4. This Dharma cannot be  
demonstrated,  
The mark of language being still  
and extinct;

Các loài chúng sinh  
khác

Không có ai hiểu được

Trừ các chúng Bồ-Tát  
Người sức tin bền chặt

Các hàng đệ tử Phật

Tùng cúng dường các  
Phật

Tất cả lậu đã hết

Of all the kinds of living beings

There is none who can understand  
it.

Except the host of Bodhisattvas,  
Firm in the power of faith.

The host of the Buddha's disciples  
Who have made offerings to the  
Buddhas

And who have exhausted all  
outflows,

Trụ thân rốt sau này  
Các hạng người vậy  
thảy  
Sức họ không kham  
được,  
Giả sử đầy thế gian  
Đều như Xá-Lợi-Phất  
Cùng suy chung so  
lường  
Chẳng lường được  
Phật trí

And dwell in their final bodies—  
The strength of people such as  
these  
Also proves inadequate.  
  
If the world were filled  
With those like Shariputra,  
Who together spent their thoughts  
to measure it,  
They could not fathom the  
Buddha's wisdom.



Chính sử khắp mười  
phương  
Đều như Xá-Lợi-Phất  
Và các đệ-tử khác

Cũng đầy mười  
phương cõi  
Cùng suy chung so  
lường  
Cũng lại chẳng biết  
được.

Truly, suppose the ten directions,  
Were filled with those like  
Shariputra,  
And that the remaining disciples  
filled  
All the lands in the ten directions,  
And that together they spent their  
thoughts to measure it,  
They also could not know it.

Bậc Duyên-giác trí  
lành

Vô lậu thân rốt sau

Cũng đầy mười  
phương cõi

Số đông như rừng tre,

Hạng này chung một  
lòng

If Pratyekabuddhas of sharp  
wisdom

Without outflows, in their final  
bodies,

Also filled the ten directions,

Their number like the bamboo in  
the forest,

And if they put their minds  
together,

Trong vô lượng ức  
kiếp  
Muốn xét Phật thật trí  
  
Chẳng biết được chút  
phần.  
Bồ-Tát mới phát tâm  
  
Cúng dường vô số  
Phật

Wishing to think about the  
Buddha's real wisdom,  
Throughout measureless millions  
eons,  
They could not know the smallest  
part of it.  
Suppose newly resolved  
Bodhisattvas,  
Who have made offerings to  
countless Buddhas,

Rõ thấu các nghĩa thú

Lại hay khéo nói pháp

Như lúa, mè, tre, lau

Đông đầy mười  
phương cõi

Một lòng dùng trí mầu

Who understand the principle and  
the purport,

And are well able to speak the  
Dharma,

Whose numbers are like rice,  
hemp, bamboo, and reeds,

Filled the ten-direction lands,

And suppose with one mind and  
with wondrous wisdom,

Trải số kiếp hằng sa

Thấy đều chung suy  
lường

Chẳng biết được trí  
Phật

Hàng bất-thối Bồ-Tát

Số đông như hằng sa

Throughout eons like the Ganges'  
sands,

They were all together to think it  
over,

Even they could not know the  
Buddha's wisdom.

Suppose that non-retreating  
Bodhisattvas,

Their number like the Ganges'  
sands,

Một lòng chung suy  
cầu  
Cũng lại chẳng hiểu  
được.

5. Lại bảo Xá-Lợi-  
Phất  
Pháp nhiệm màu rất  
sâu  
Vô lậu khó nghĩ bàn  
Nay ta đã được đủ

With one mind thought to seek  
that wisdom  
They also could not know of it.

5. And what is more, Shariputra,  
That inconceivable, non-outflow,  
Most profound and subtle Dharma,  
I have perfectly obtained,

Chỉ ta biết tướng đó  
Mười phương Phật  
cũng vậy,

Xá-Lợi-Phất phải biết  
Lời Phật nói không  
khác

Với Pháp của Phật nói

Nên sinh sức tin chắc

And I alone know its mark,  
Along with the ten-direction  
Buddhas.

Shariputra, you should know  
The words of the Buddhas do not  
differ.

In the Dharma spoken by the  
Buddhas

You should place the power of  
great faith.

Pháp của Phật lâu sau

Cần phải nói chân thật  
Bảo các chúng Thanh-  
văn

Cùng người cầu  
Duyên-giác

Ta khiến cho thoát khổ

Đến chúng được Niết-  
bàn

When the World Honored One's  
Dharma is at its end,

The true and real must be spoken.  
I tell the assembly of Hearers

And those who seek the  
Conditioned Enlightened Vehicle,  
That I will lead them to cast off  
suffering's bond,  
And arrive at Nirvana.



Phật dùng sức phương  
tiện

Dạy cho ba thừa giáo

Chúng sanh nơi nơi  
chấp

Dắt đó khiến ra khỏi.

6. Khi đó trong đại  
chúng có hàng Thanh-  
văn lậu tận A-la-hán,

The Buddha uses the power of  
expedients,

Demonstrating the teaching of  
Three Vehicles,

So that living beings, attached in  
many places,

May be guided to escape.

6. At that time in the assembly  
there were Hearers, Arhats with  
outflows extinguished,

ngài A-Nhã Kiều-Trần-Như v.v... một nghìn hai trăm người và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-sự-nam cùng cận-sự-nữ, hạng người phát tâm Thanh-văn, Duyên-giác đều nghĩ rằng: “Hôm nay đức Phật có chi lại ân cần ngợi khen phương

Ajnatakaundinya and others, twelve hundred persons, as well as Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, and Upasikas who had brought forth the resolve to become Hearers and Pratyekabuddhas. They all had the following thought: “Why, now, does the World Honored One repeatedly praise the expedient devices saying, ‘the Dharma obtained by

tiện mà nói thế này:  
“Pháp của Phật chứng  
rất sâu khó hiểu, tất cả  
hàng Thanh-văn cùng  
Duyên-giác không thể  
đến được”. Đức Phật  
nói một nghĩa giải  
thoát, chúng ta cũng  
chứng được pháp đó  
đến nơi Niết-bàn, mà

the Buddha is so extremely  
profound and difficult to  
understand and the purport of his  
speech is so difficult to know, that  
none of the Hearers or  
Pratyekabuddhas can grasp it.’  
The Buddha has spoken of but one  
principle of liberation and we have  
already obtained this Dharma and  
arrived at Nirvana. Now, we do  
not understand his intention.”

nay chẳng rõ nghĩa đó  
về đâu?

7. Lúc ấy, ngài Xá-  
Lợi-Phất biết lòng nghi  
của bốn chúng, chính  
mình cũng chưa rõ,  
liền bạch Phật rằng:  
“Thưa Thế-Tôn! Nhân  
gì duyên gì mà Phật ân  
cần khen ngợi pháp  
phương-tiện thứ nhất

7. At that time Shariputra,  
knowing the doubts in the minds  
of the fourfold assembly, and  
himself not yet fully  
understanding, addressed the  
Buddha saying: “For what reason  
has the World Honored One  
repeatedly praised the foremost  
expedient devices of the Buddhas

nhiệm mầu rất sâu khó hiểu của các đức Phật? Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi. Cúi xin đức Thế-Tôn bày nói việc đó. Có gì mà đức Thế-Tôn ân cần khen ngợi

and the extremely profound and wonderful Dharma which is difficult to understand? From the past onwards I have never heard the Buddha speak in such a way. Presently, the fourfold assembly all has doubts. I only pray that the World Honored One will expound upon this subject: Why has the World Honored One repeatedly praised the Dharma, which is

pháp nhiệm mầu rất  
sâu khó hiểu?

Khi đó ngài Xá-Lợi-  
Phất muốn tuyên lại  
nghĩa trên mà nói kệ  
rằng:

8. Đấng Huệ-Nhật  
Đại-thánh

extremely profound, subtle, and  
hard to understand?”

At that time, Shariputra, wishing  
to restate this meaning, spoke  
verses saying:

8. Oh! Sun of Wisdom, Great  
Honored Sage,

Lâu mới nói pháp này,

Tự nói pháp mình  
chúng

Lực, vô-úy, tam-muội,

Thiền-định, giải-thoát  
thả

Đều chẳng nghĩ bàn  
được.

Long have you waited to speak  
this Dharma;

Speaking of your attainments of  
such

Powers, fearlessnesses, and  
samadhis,

Dhyana samadhis and liberations,

And other inconceivable dharmas.

Pháp chứng nơi đạo  
tràng

Không ai hỏi đến  
được,

Ý con khó lường được  
Cũng không ai hay hỏi.

Không hỏi mà tự nói  
Khen ngợi đạo mình  
làm

Concerning the Dharma obtained  
in the Bodhimanda,

No one is able to raise a question.

I find its meaning hard to fathom,  
And am also unable to ask about  
it.

So you speak unasked,  
Praising the path you have walked



Các đức Phật chứng  
được

Trí huệ rất nhiệm mầu.

Hàng vô-lậu La-hán

Cùng người cầu Niết-  
bàn

Nay đều sa lưới nghi

Phật có chi nói thế?

Hạng người cầu

Duyên-giác.

Tỳ-kheo, Tỳ kheo-ni,

Attained by all the Buddhas.

And that wisdom fine and subtle,

All the Arhats, without outflows,

And those who seek Nirvana,

Have fallen into a net of doubts.

“Why has the Buddha said this?”

Those who seek Condition

Enlightenment,

The Bhikshus, the Bhikshunis,

Các trời, rồng, quỷ,  
thần

Và Càn-thát-bà thấy  
Ngó nhau mang lòng  
nghĩ

Nhìn trông đấng Túc-  
Tôn,

Việc đó là thế nào

Xin Phật vì dạy cho?

Gods, dragons, ghosts, and spirits,

Gandharvas and others,  
Look at one another, perplexed,

And then gaze at the Doubly  
Complete Honored One.

“What is the meaning of this  
matter?”

“We pray that the Buddha will  
explain.”

Trong các chúng

Thanh-văn

Phật nói con hạng nhất

Nay con nơi trí mình

Nghi lẫm không rõ  
được

Vì là pháp rốt ráo

Vì là đạo Phật làm

Of the host of Hearers

The Buddha has declared me  
foremost,

And yet now with my own  
wisdom

I cannot resolve my doubts.

Is this Dharma ultimate?

Or is it the path to be walked?

Con từ miệng Phật  
sinh

Chắp tay nhìn trông  
chờ

Xin ban tiếng nhiệm  
mầu

Liên vì nói như thực

Các trời, rồng, thần  
thảy

Disciples born from the Buddha's  
mouth,

With joined palms wait,  
expectantly.

Pray put forth the subtle sound,

For it is time to tell it as it really  
is.

The gods, dragons, spirits, and  
others

Số đông như hằng sa

Bồ-Tát cầu thành Phật

Số nhiều có tám muôn  
Lại những muôn ức  
nước

Vua Chuyển-Luân-  
vương đến

Đều lòng kính chấp tay

Their numbers like the Ganges'  
sands,

Bodhisattvas seeking  
Buddhahood,

Numbering a full eighty thousand,  
And, from myriads of millions of  
lands,

Wheel-turning sage kings have  
come,

With joined palms and reverent  
minds

Muốn nghe đạo đầy đủ.

9. Khi đó đức Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa, nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi-ngờ”.

All wish to hear of the perfect way.

9. At that time the Buddha told Shariputra, “Stop! Stop! There is no need to speak further. If this matter were spoken of, the gods and humans in all the worlds would be frightened and led to doubts.”

10. Ngài Xá-Lợi-Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế-Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức a-tăng-kỳ chúng-sinh đã từng gặp các đức Phật, các căn mạnh mẽ, trí huệ sáng suốt, được nghe

10. Shariputra again addressed the Buddha saying, “World Honored One, I only pray that you will speak it. I only pray that you will speak it. What is the reason? In this assembly are countless hundreds of thousands of myriads of millions of asankhyeyas of living beings who have, in the past, seen the Buddhas. Their roots are keen and their wisdom bright.

Phật dạy chắc có thể kính tin”.

Lúc ấy, ngài Xá-Lợi-Phất muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Đấng Pháp-Vương vô  
thượng

Hearing what the Buddha says they will be able to revere and believe it.”

At that time, Shariputra, wishing to restate this meaning, spoke the following verses:

Dharma King, Supremely Honored  
One,



Xin nói nguyện đừng  
lo  
Vô lượng chúng hội  
đây  
Có người hay kính tin.

11. Đức Phật lại ngăn  
Xá-Lợi-Phất: “Nếu nói  
việc đó thì tất cả trong  
đời, trời, người, A-tu-

Do but speak; pray have no  
worries,  
For, with in the limitless  
multitudes,  
Are those who can revere and  
believe it.

11. The Buddha again stopped  
Shariputra, “If this matter were  
spoken of, the gods, humans, and  
asuras in all the worlds would be

la đều sẽ nghi sợ, Tỳ-kheo tăng-thượng-mạn sẽ phải sa vào hầm lớn”.

Khi đó đức Thế-Tôn lại nói kệ rằng:

Thôi thôi! Chẳng nên nói

frightened and led to doubt, and those Bhikshus of overweening pride would fall into a big pit.”

Then the World Honored One restated his meaning in verse, saying,

Stop, stop. It must not be spoken.

Pháp ta diệu khó nghĩ

Những kẻ tăng-  
thượng-mạn

Nghe ắt không kính  
tin.

12. Lúc ấy ngài Xá-  
Lợi-Phất bạch Phật  
rằng: “Thưa Thế-Tôn!  
Cúi xin Phật nói, cúi

My Dharma is wonderful beyond  
conception,

And those of undue pride who  
heard it,

Surely would neither revere nor  
believe it.

12. At that time, Shariputra further  
addressed the Buddha, saying,  
“World Honored One, I only pray  
that you will speak it. I only pray

xin Phật nói. Nay trong hội này hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đời đời đã từng theo Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài an ổn nhiều điều lợi ích.

that you will speak it. Presently, within this assembly are those who are my equal, hundreds of thousands of myriads of millions of them. Life after life they have been transformed by the Buddha. People such as these will surely be able to revere and believe you. They will gain security and great benefit within the long night.”

Khi đó ngài Xá-Lợi-Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng vô thượng  
Lưỡng-túc

Xin nói pháp đệ nhất  
Con là trưởng tử Phật  
Xin thương phân biệt  
nói.

At that time, Shariputra, wishing to restate his meaning, recited the following verses:

Supreme and Doubly Honored  
One.

Pray speak the foremost Dharma.  
I, the Buddha's eldest disciple,  
Wish you will but speak it in  
detail.

Vô lượng chúng hội  
đây

Hay kính tin pháp này

Đời đời Phật đã từng

Giáo hóa chúng như  
thế

Đều một lòng chấp tay

Muốn nghe lãnh lời

Phật.

The limitless host here assembled,

Can revere and believe this  
Dharma,

For the Buddha has, for life after  
life,

Taught and transformed such ones  
as these.

With one mind, with palms joined,

We all wish to hear the Buddha  
speak.

Chúng con nghìn hai  
trăm

Cùng hạng cầu Phật ngộ  
Nguyện Phật vì chúng  
này

Cúi xin phân biệt nói  
Chúng đây nghe pháp  
ấy

Thời sanh lòng vui  
mừng.

Twelve hundreds of us there are,

And more, seeking Buddhahood.

Pray, for those assembled here,

Speak of it in detail;

Having heard this Dharma,

Great will our rejoicing be.

13. Bảy giờ, đức Thế-Tôn bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đâu được chẳng nói. Ông nay lóng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải-nói”.

14. Khi đức Phật nói lời đó, trong hội có các

13. Thereupon the World Honored One told Shariputra, “Since you have earnestly requested three times, how can I not speak? You should now listen attentively, think upon it well, and be mindful of it; I will explain it in detail for your sake.”

14. As he said these words, five thousand Bhikshus, Bhikshunis,



Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cậ-sự-nam, cậ-sự-nữ, cả thầy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Vì sao? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng cùng tăng-thượng-mạng, chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà cho đã

Upasakas, and Upasikas in the assembly rose from their seats, made obeisance to the Buddha and left. What was the reason? The roots of their offenses were deep and grave and they were of such overweening pride that they claimed to have obtained what they had not yet obtained and to have certified to that to which they had not yet certified to. With faults

chúng, có lỗi đường  
ấy, cho nên không ở  
lại. Đức Thế-Tôn yên  
lặng không ngăn cản.

15. Bấy giờ, Đức Phật  
bảo ngài Xá-Lợi-Phất:  
“Trong chúng ta đây  
không còn cành lá, rễ  
có hạt chắc. Xá-Lợi-  
Phất! Những gã tăng-

such as these they could not stay.  
The World Honored One remained  
silent and did not restrain them.

15. The Buddha then told  
Shariputra, “My assembly has now  
been cleared of its branches and  
leaves and only the trunks remain.  
Shariputra, it is excellent that  
those of overweening pride have

thượng-mạn như vậy  
lui về cũng là tốt. Ông  
nay nên khéo nghe, ta  
sẽ vì ông mà nói”.

Ngài Xá-Lợi-Phất bạch  
rằng: “Vâng thưa Thế-  
Tôn con nguyện thích  
muốn nghe”.

left. You should now listen well  
and I shall speak it for you.”

Shariputra said, “So be it, World  
Honored One. I wish joyfully to  
hear it.”

16. Đức Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Pháp mầu như thế, các đức Phật Như-Lai đến khi đúng thời mới nói, đó như hoa linh-thoại đến thời tiết mới hiện một lần.

17. Xá-Lợi-Phất! Các ông nên tin lời của

16. The Buddha told Shariputra, “A wonderful Dharma such as this is spoken only occasionally by the Buddhas, the Thus Come Ones, just as the udumbara flower appears but once in a great while.”

17. “Shariputra, you should all believe that which the Buddha

Phật nói không hề hư vọng.

Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật theo thời nghi nói pháp ý-thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các pháp. Pháp đó không phải là

says, for his words are not vain or false.

Shariputra, all the Buddhas speak the Dharma in accord with what is appropriate, but its purport is difficult to understand. What is the reason? I extensively speak all dharmas by means of countless expedient devices, various causes and conditions, analogies, and

suy lường phân biệt  
mà có thể hiểu, chỉ có  
các đức Phật mới biết  
được đó. Vì sao? Các  
đức Phật Thế-Tôn, chỉ  
do một sự nhân duyên  
lớn mà hiện ra nơi đời.

expressions. This Dharma cannot  
be understood through deliberation  
or discrimination. Only the  
Buddhas alone can know it. Why  
is this? All the Buddhas, the  
World Honored Ones, appear in  
the world only because of the  
causes and conditions of the one  
great matter.”

Xá-Lợi-Phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế-Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế-Tôn vì muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn chỉ tri kiến Phật

“Shariputra, what is meant by ‘All Buddhas, World Honored Ones, appear in the world only because of the causes and conditions of the one great matter?’ The Buddhas, the World Honored Ones, appear in the world because they wish to lead living beings to open the knowledge and vision of the Buddhas and gain purity. They appear in the world because they

cho chúng-sanh mà  
hiện ra nơi đời; vì  
muốn cho chúng sanh  
tỏ ngộ tri kiến Phật mà  
hiện ra nơi đời; vì  
muốn cho chúng sanh  
chúng vào đạo tri kiến  
Phật mà hiện ra nơi  
đời.

wish to demonstrate to all living  
beings the knowledge and vision  
of the Buddhas. They appear in the  
world because they wish to lead  
living beings to awaken to the  
knowledge and vision of the  
Buddhas. They appear in the world  
because they wish to lead living  
beings to enter into the Path of the  
knowledge and vision of the  
Buddhas.”



Xá-Lợi-Phất! Đó là các đức Phật do vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời”.

18. Đức Phật bảo Xá-Lợi-Phất: “Các đức Phật Như-Lai chỉ giáo hóa BỒ-TÁT, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem tri

“Shariputra, these are the causes and conditions of the one great matter for which all the Buddhas appear in the world.”

18. The Buddha told Sharipura, “All the Buddhas, the Thus Come Ones, teach and transform only Bodhisattvas. All their actions are always for the one matter, and that is only to demonstrate and

kiến Phật chỉ cho  
chúng sanh tỏ ngộ  
thôi”.

Xá-Lợi-Phất! Đức  
Như-Lai chỉ dùng một  
Phật thừa mà vì chúng  
sanh nói pháp không  
có các thừa hoặc hai  
hoặc ba khác.

enlighten living beings to the  
Buddha’s knowledge and vision.

Shariputra, in speaking Dharma to  
living beings, the Thus Come  
Ones use only the Buddha  
Vehicle. There are no other  
vehicles, whether two or three.

19. Xá-Lợi-Phất! Pháp của tất cả các đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá-Lợi-Phất! Thuở quá khứ các đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh

19. Shariputra, the Dharma of all the Buddhas of the ten directions is thus.

Shariputra, the Buddhas of the past, by means of limitless, countless expedient devices, various causes and conditions, analogies and expressions, have proclaimed all the dharmas to

diễn nói các pháp. Vì pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng “nhứt-thiết chủng-trí”.

Xá-Lợi-Phất! Thuở vị lai, các đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô

living beings. These dharmas were all for the sake of the One Buddha Vehicle. All these living beings, hearing the Dharma from the Buddhas, ultimately attain the Wisdom of All Modes.”

“Shariputra, when the Buddhas of the future shall come into the world, they will also by means of

lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa nên các chúng sanh đó theo Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng “nhứt-thiết chủng-trí”.

limitless, countless expedient devices, various causes and conditions, analogies and expressions, proclaim all the dharmas to living beings. These dharmas will all be for the sake of the One Buddha Vehicle. Hearing the Dharma from the Buddhas, all these living beings will ultimately attain to the Wisdom of all Modes.

Xá-Lợi-Phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các đức Phật Thế-Tôn nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân-duyên lời lẽ

Shariputra, presently, all the Buddhas, World Honored Ones, throughout the ten directions in limitless hundreds of thousands of myriads of millions of Buddhalands, greatly benefit living beings and bring them peace and happiness. These Buddhas also by means of limitless, countless expedient devices, various causes and conditions,

thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp đó đều là một Phật thừa, các chúng sanh ấy theo Phật nghe pháp rốt ráo đều được chúng “nhứt-thiết chủng-trí”.

Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật đó chỉ giáo hóa

analogies, and expressions, extensively proclaim all the dharmas to living beings. These dharmas are all for the sake of the One Buddha Vehicle. All these living beings, hearing the Dharma from the Buddhas, ultimately attain the Wisdom of All Modes.

Shariputra, all the Buddhas only teach and transform Bodhisattvas

Bồ-Tát, vì muốn đem tri kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào tri kiến Phật vậy.

Xá-Lợi-Phất! Nay ta cũng lại như thế, rõ

because they wish to demonstrate to living beings the Buddha's knowledge and vision, because they wish to awaken living beings to the Buddha's knowledge and vision, and because they wish to lead living beings to enter the Buddha's knowledge and vision.”

“Shariputra, I, now, too am also like this. Knowing that living



biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, ta tùy theo bản tánh kia dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá-Lợi-Phát! Như thế đều vì để chúng được

beings have various desires to which their hearts are deeply attached, according to their basic dispositions, and by means of various causes and conditions, analogies, expressions, and the power of expedient devices, I speak the Dharma to them.”

“Shariputra, this is all done so that they may attain the One Buddha

một Phật thừa “nhứt-thiết chủng-trí”.

20. Xá-Lợi-Phất!

Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà huống có ba!

Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật hiện ra trong đời

Vehicle and the Wisdom of All Modes.”

20. “Shariputra, in the worlds of the ten directions, there are not even two vehicles, how much the less three.

Shariputra, all Buddhas appear in the world of the five evil

ác năm trước, nghĩa là: Kiếp trước, phiền-não-trước, chúng-sinh-trước, kiến-trước, mạng-trước. Như thế, Xá-Lợi-Phất, lúc kiếp loạn trước chúng sinh như nặng, bòn sẻn, tham lam, ghét ganh, trợn nên các căn chẳng lành, cho nên các đức

turbidities, that is, the kalpa turbidity, the affliction turbidity, the living beings turbidity, the view turbidity, and the life turbidity. So, Shariputra, it is that in the time of the confusion of the kalpa turbidity, living beings are heavy-laden with impurities. Because they are stingy, greedy, envious, and jealous, they develop unwholesome roots. For this

Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

21. Xá-Lợi-Phất! Nếu đệ tử ta tự cho mình là A-la-hán cùng Duyên-giác mà không nghe không biết việc của các

reason, all the Buddhas, by means of the power of expedient devices, within the One Buddha Vehicle, make discriminations and speak of three.

21. Shariputra, if a disciple of mine calls himself an Arhat or Pratyekabuddha, but does not hear or know of the fact that all the Buddhas, the Thus Come Ones,

đức Phật Như-Lai chỉ  
giáo hóa BỒ-Tát, người  
này chẳng phải đệ tử  
Phật, chẳng phải A-la-  
hán, chẳng phải  
Duyên-giác.

Lại-nữa, Xá-Lợi-Phất!  
Các Tỳ-kheo, Tỳ-  
kheo-ni đó tự cho mình  
đã được A-la-hán, là

only teach and transform the  
Bodhisattvas, he is not a disciple  
of the Buddha nor is he an Arhat,  
nor is he a Pratyekabuddha.”

“Furthermore, Shariputra, it  
should be known that those  
Bhikshus and Bhikshunis who  
claim to have attained Arhatship

thân rốt sau rốt ráo  
Niết-bàn, bèn chẳng lại  
chí quyết cầu đạo vô-  
thượng chánh-đẳng  
chánh-giác. Nên biết  
bọn đó là kẻ tăng-  
thượng-mạn. Vì sao?  
nếu có Tỳ-kheo thực  
chứng quả A-la-hán  
mà không tin pháp  
này, quyết không có lẽ

and to dwell in their final bodies  
before ultimate Nirvana, but who  
do not further resolve to seek  
anuttarasamyaksambodhi, are  
people of overweening pride. Why  
is this? It is impossible that any  
Bhikshu who had actually attained  
Arhatship should not believe this  
Dharma, except in the case when  
the Buddha has passed into

ấy, trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những kinh như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có được, nếu gặp đức Phật khác, ở trong pháp này bèn được hiểu rõ.

extinction and no Buddha is in existence.

Why is this? After the Buddha has passed into extinction, those who accept, uphold, read, recite, and understand the meaning of Sutras such as this will be hard to find. If they encounter other Buddhas, they will then obtain thorough understanding of this Dharma.”

Xá-Lợi-Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các đức Phật Như-Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

“Shariputra, all of you should, with one heart, believe, understand, accept and uphold the speech of the Buddha, for in the words of all the Buddhas there is nothing vain or false. There are no other vehicles; there is only the One Buddha Vehicle.”



Khi ấy đức Thế-Tôn  
muốn tuyên lại nghĩa  
này mà nói kệ rằng:

22. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-  
ni

Mang lòng tăng-  
thượng-mạn

Cận-sự-nam ngã mạn

Cận-sự-nữ chẳng tin,

At that time, the World Honored  
One, wishing to restate his  
meaning, spoke verses, saying,

22. Those Bhikshus and  
Bhikshunis,  
Who harbor overweening pride.

The arrogant Upasakas,  
Upasikas who do not believe,

Hàng bốn chúng như  
thê  
Số kia có năm nghìn  
Chẳng tự thấy lỗi mình

Nơi giới có thiếu sót  
Tiếc giữ tội quấy mình  
Trí nhỏ đó đã ra,  
Bọn cám tằm trong  
chúng

In the fourfold host, such ones as  
these,  
Numbering five thousand strong...  
Who do not see their own  
mistakes,  
Deficient in morality,  
And guarding imperfections,  
Those of paltry wisdom have left;  
The chaff within the multitude is  
gone,

Oai đức Phật phải đi,

Gã đó kém phước đức

Chẳng kham lãnh pháp  
này,

Chúng nay không cành  
lá

Chỉ có những hột chắc

Thanks to the Buddha's awesome  
virtue.

These people, lacking blessings  
and virtue,

Are unworthy of receiving this  
Dharma.

The assembly is free of branches  
and leaves;

The trunks alone remain intact.

23. Xá-Lợi-Phất khéo  
nghe!

Pháp của các Phật  
được

Vô lượng sức phương  
tiện

Mà vì chúng sanh nói.

Tâm của chúng sanh  
nghĩ

Các món đạo ra làm

23. Shariputra, listen well:

The Dharma obtained by the  
Buddhas,

Through the power of limitless  
expedients,

Is spoken for living beings

The thoughts in living being's  
minds,

The various pathways they have  
walked,

Bao nhiêu những tánh  
dục

Nghiệp lành dữ đời  
trước

Phật biết hết thể rồi

Dùng các duyên thí dụ

Lời lẽ sức phương tiện

Khiến tất cả vui mừng.

Hoặc là nói Khế kinh

The nature of their various desires,

Their karma, good or ill, from  
former lives,

The Buddha knows them all  
thoroughly.

Using conditions, analogies,

Expressions, and powerful  
expedients,

I cause them to rejoice.

I may speak the Sutras,

Cô khởi cùng Bôn-sự.  
Bôn-sanh, Vị-tăng-hữu

Cũng nói những nhân  
duyên

Thí dụ và Trùng tụng  
Luận nghị cộng chín  
kinh.

Căn độn ưa pháp nhỏ.

Gathas, or past events,  
Of former lives, the  
unprecedented,

Causes and conditions,

Analogies or geyas,

Or the upadesha texts.

To dull-rooted ones who delight in  
lesser dharmas,

Tham chấp nơi sanh tử

Nơi vô lượng đức Phật  
Chẳng tu đạo sâu mầu

Bị các khổ não loạn  
Vì đó nói Niết-bàn.

Ta bày phương tiện đó  
Khiến đều vào huệ  
Phật,

And who are greedily attached to  
birth and death,

Who, under limitless Buddhas,  
Have not walked the deep and  
wondrous Path,

Oppressed by scores of sufferings,  
For them I speak of Nirvana.

I have established these expedients  
To cause them to enter the  
Buddha's wisdom.

Chưa từng nói các ông  
Sẽ được thành Phật  
đạo

Sở dĩ chưa từng nói  
Vì giờ nói chưa đến,

Nay chính là đến giờ  
Quyết định nói Đại-  
thừa.

24. Chín bộ pháp của  
ta

Never did I say, “All of you  
Will realize the Buddha Way.”

I did not say as much because  
The time to speak had not yet  
come.

The time, now, is exactly right,  
To speak the Great Vehicle.

24. The nine division of my  
Dharma,



Thuận theo chúng sanh  
nói

Vào Đại-thừa làm gốc

Nên mới nói kinh này.

Có Phật tử tâm tịnh

Êm dịu cũng căn lợi,

Nơi vô lượng các Phật

Are spoken to accord with living  
beings;

Intending to lead them into the  
Great Vehicle,

I therefore speak this Sutra text.

For the Buddha's disciples, pure in  
heart,

Who are compliant and have keen  
faculties,

Who, under countless Buddhas,

Mà tu đạo sâu mầu,

Vì hàng Phật tử này

Nói kinh Đại-thừa đây.

Ta ghi cho người đó

Đời sau thành Phật đạo

Bởi thâm tâm niệm

Phật

Tu trì tịnh giới vậy

Have walked the deep and  
wondrous Path,

I speak the Sutra of the Great  
Vehicle.

I predict that such people

In the future will realize the

Buddha Way,

For with profound thoughts they  
recollect the Buddha,

Cultivate and uphold pure  
morality.

Hạng này nghe thành  
Phật  
Rất mừng đầy khắp  
mình,  
Phật biết tâm của kia.  
  
Nên vì nói Đại-thừa.  
  
Thanh-văn hoặc Bồ-  
Tát,  
Nghe ta nói pháp ra

When they hear that they will  
become Buddhas  
Great will their rejoicing be.  
  
The Buddha knows their thoughts  
and conduct,  
And speaks the Great Vehicle for  
them.  
If Hearers or Bodhisattvas,  
Hear this Dharma that I speak,

Nhẫn đến một bài kệ  
Đều thành Phật không  
ngi.

25. Trong cõi Phật  
mười phương  
Chỉ có một thừa pháp

Không hai cũng không  
ba

Be it but a single verse,  
They will become Buddhas,  
without a doubt.

25. In the Buddhalands of the ten  
directions,  
There is only the Dharma of One  
Vehicle;

There are not two or three,

Trừ Phật phương tiện  
nói

Chỉ dùng danh tự giả

Dẫn dắt các chúng  
sinh

Vì nói trí huệ Phật.

Các Phật ra nơi đời

Chỉ một việc này thực

Except those spoken by the  
Buddhas as expedients,

And those are but false  
appellations

Used to induce living beings,  
So that he may teach them the  
Buddha's wisdom.

The Buddhas appear in the world  
Only for the sake of this One Real  
Matter;

Hai thứ chẳng phải  
chơn.

Trọn chẳng đem tiêu  
thừa

Mà tế độ chúng sanh,  
Phật tự trụ Đại-thừa

Như pháp của mình  
được

Định, huệ, lực trang  
nghiêm

The other two are not the truth;

To the end they would not use the  
Small Vehicle

To rescue living beings.

The Buddha himself dwells in the  
Great Vehicle,

And in accord with the Dharmas  
he has gained,

Adorned with the power of  
samadhi and wisdom,

Dùng đây độ chúng  
sanh.

Tự chúng đạo vô  
thượng

Pháp bình-đẳng Đại-  
thừa

Nếu dùng tiểu thừa độ

Nhẫn đến nơi một  
người

He uses these to save living  
beings.

Having certified to the supreme  
path, myself,

The Great Vehicle's Dharma of  
equality,

Were I to teach by means of the  
Small Vehicle,

Even a single human being,

Thời ta đọa sân tham

Việc ấy tất không  
được,

Nếu người tin về Phật

Như-Lai chẳng dối gạt

Cũng không lòng tham  
ghen

I would have fallen into stingy  
greed;

But such a thing could never be.

Should people rely, in faith, upon  
the Buddha,

The Thus Come One will not  
deceive them;

He has no thoughts of envy or  
greed,



Dứt ác trong các pháp

Nên Phật ở mười  
phương

Mà riêng không chỗ  
sợ.

Ta dùng tướng trang  
nghiêm

Ánh sáng soi trong đời

And he has cut off all the evil in  
the dharmas.

Therefore, throughout the ten  
directions,

The Buddha alone has nothing to  
fear.

My body adorned with marks,

I brilliantly illumine the world.

Đấng vô lượng chúng  
trọng

Vì nói thực tướng ấn

26. Xá-Lợi-Phất! Nên  
biết

Ta vốn lập thế nguyện  
Muốn cho tất cả chúng  
Bằng như ta không  
khác,

Như ta xưa đã nguyện

Revered by countless multitudes

I speak the Seal of the Real Mark.

26. Shariputra, you should know,

That in the past I took a vow,  
Wishing to lead the multitudes,  
To be identical with me.

That vow, made long ago,

Nay đã đầy đủ rồi  
Độ tất cả chúng sanh  
Đều khiến vào Phật  
đạo

Nếu ta gặp chúng sanh  
Dùng Phật đạo dạy cả

Kẻ vô trí rồi sai

Mê lầm không nhận  
lời.

Now has been perfectly fulfilled,  
For I have transformed all beings,  
Leading them into the Buddha  
Path.

If, when I met with living beings,  
I taught them just the Buddha  
Path,

Those lacking wisdom would be  
puzzled;

Confused, they would not accept  
the teaching.

Ta rõ chúng sanh đó  
Chưa từng tu cội lành  
Chấp chặt nơi ngũ dục

Vì si ái sinh khổ,

Bởi nhân duyên các  
dục.

Sa vào ba đường dữ  
Xoay lăn trong sáu nẻo

I know that these living beings  
Have never cultivated good roots.

They are firmly attached to the  
five desires,

And, out of stupidity and love,  
become afflicted.

Because of all their desires,

They fall into the three evil paths,  
They turn on the wheel in the six  
destinies,

Chịu đủ những khổ  
độc

Thân mọn thọ bào thai

Đời đời tăng trưởng  
luôn

Người đức mỏng ít  
phước

Các sự khổ bức ngặt

Suffering utter misery.

They take a tiny form in the  
womb;

Life after life, it continues to grow.

With scanty virtue and few  
blessings,

They are oppressed by scores of  
sufferings,

Vào rừng rậm tà kiến

Hoặc chấp có, chấp  
không

Nương gá các chấp này

Đầy đủ sáu mươi hai

Chấp chặt pháp hư  
vọng

Bền nhận không bỏ  
được

They enter the dense forest of  
deviant views,

Those of existence, non-existence,  
and the like.

They become dependent on those  
views—

Sixty-two of them in all.

Deeply attached to illusory  
dharmas,

They cling to them firmly and  
cannot let them go.

Ngã mạn tự khoe cao

Dua nịnh lòng không  
thực

Trong nghìn muôn ức  
kiếp

Chẳng nghe danh tự  
Phật

Cũng chẳng nghe  
chánh pháp

Người như thế khó độ.

Arrogant, they brag of their  
loftiness;

They are flatterers, their hearts  
insincere.

Throughout ten billion eons,

They never hear the Buddha's  
name,

Nor do they hear the proper  
Dharma.

Such people are difficult to save.

27. Cho nên Xá-Lợi-  
Phất!

Ta vì bày phương tiện  
Nói các đạo dứt khổ

Chỉ cho đó Niết-bàn  
Ta dầu nói Niết-bàn  
Cũng chẳng phải thật  
diệt,

Các pháp từ bốn lai

27. Therefore, Shariputra,

I set forth expedients for them,  
Speak of the way to suffering's  
end,

And demonstrate Nirvana.

Although I speak of Nirvana,  
It is not true extinction.

All dharmas from their origin,



Tướng thường tự vắng  
lặng

Phật tử hành đạo rồi

Đời sau được thành

Phật

Ta có sức phương tiện

Mở bày khắp ba thừa.

Tất cả các Thế-Tôn

Đều nói đạo nhất thừa

Are ever marked by still  
extinction.

When the Buddhas's disciples  
have walked the Path,

In a future age they will become  
Buddhas.

I possess the power of expedients,  
And demonstrate the Dharma of  
Three Vehicles.

All the World Honored Ones,  
Speak the Dharma of One Vehicle.

Nay trong đại chúng  
này  
Đều nên trừ nghi lầm  
Lời Phật nói không  
khác  
Chỉ một, không hai  
thừa.

28. Vô số kiếp đã qua  
Vô lượng Phật diệt độ

Now all of you assembled here,  
Should cast your doubts aside.  
The speech of all Buddhas is the  
same:  
There is only One Vehicle, not  
two.

28. Throughout countless eons in  
the past,  
Innumerable extinct Buddhas,

Trăm nghìn muôn ức  
Phật  
Số nhiều không lường  
được.  
Các Thế-Tôn như thế  
Các món duyên thí dụ  
  
Vô số ức phương tiện  
  
Diễn nói các pháp  
tượng,

Hundreds of thousands of myriads  
of millions of them,  
A number beyond all calculation,  
World Honored Ones such as  
these,  
Used various conditions,  
analogies,  
And the power of countless  
expedients,  
To proclaim the marks of all  
dharma.

Các đức Thế-Tôn đó  
Đều nói pháp nhất thừa  
Độ vô lượng chúng  
sinh

Khiến vào nơi Phật  
đạo

Lại các đại Thánh-  
chúa

Biết tất cả thế gian

All of those World Honored Ones,  
Spoke the Dharma of One Vehicle,  
Transforming beings without limit,

Leading them to the Buddha Path.

Further, all great Sagely Lords,

Know the deep desires in the  
hearts

Trời người loài quần  
sanh

Thâm tâm chỗ ưa  
muốn

Bèn dùng phương tiện  
khác

Giúp bày nghĩa đệ  
nhất.

29. Nếu có loài chúng  
sanh

Of all the gods, humans, and other  
beings

Within all the worlds.

Using different expedients,

Which help to reveal the foremost  
principle.

29. If there are living beings

Gặp các Phật quá khứ

Hoặc nghe pháp bố thí

Hoặc trì giới nhẫn  
nhục

Tinh tấn, thiền, trí tuệ

Các món tu phước huệ,  
Những người như thế  
đó

Who have met with Buddhas in  
the past

Heard the Dharma, practiced  
giving,

Morality, patience, and vigor

Dhyanasamadhi, wisdom, and so  
on,

Cultivating blessings and wisdom,  
Persons such as these

Đều đã thành Phật đạo  
Sau các Phật diệt độ

Nếu người lòng lành  
dịu

Các chúng sanh như  
thế

Đều đã thành Phật đạo

30. Các Phật diệt độ  
rồi

Have all realized the Buddha path.  
When those Buddhas have become  
extinct

If there are those with compliant  
hearts,

Beings such as these

Have attained the Buddha Way.

30. After the extinction of those  
Buddhas,

Người cúng dường xá-  
lợi

Dựng muôn ức thứ  
tháp

Vàng, bạc và pha-lê

Xa-cừ cùng mã-nã

Ngọc mai khôi, lưu ly

Thanh tịnh rộng

nghiêm sức,

Trau giỏi nơi các tháp,

Those who have made offerings to  
their shariras,

Building millions of kinds of  
stupas,

Made of gold, silver, or of crystal,

Mother-of-pearl, carnelian,

Rose quartz, lapis lazuli, and other  
gems,

Clear, pure and most ornate,

Worked to grace the stupas,



Hoặc có dựng miếu đá

Chiên-đàn và trầm-  
thủy

Gỗ mật cùng gỗ khác

Gạch ngói bùn đất  
thảy,

Hoặc ở trong đồng  
trống

Chứa đất thành miếu  
Phật

Or should there be those who have  
built temples

Out of stone, chandana, or  
aloeswood,

Hovenia, or other timbers,

Bricks, clay, and the like,

Or those who, in the barren waste,

Have piled up earth into a Buddha-  
shrine,

Nhân đến đồng tử giỡn  
Nhóm cát thành tháp  
Phật,  
Những hạng người như  
thế  
Đều đã thành Phật đạo.

31. Nếu như người vì  
Phật  
Xây dựng các hình-  
tượng

Or even children who, at play,  
Have piled up sand to make a  
stupa,  
All persons such as these,  
Have realized the Buddha Way.

31. Those who, for the Buddhas,  
Have erected images,

Chạm trở thành các  
tượng

Đều đã thành Phật đạo.

Hoặc dùng bảy báu  
làm

Thau, đồng bạch, đồng  
đỏ

Chất nhôm cùng chì  
kẽm

Sắt, gỗ cùng với bùn

Carving all their myriads of marks,

Have realized the Buddha Way.

They may have used the seven  
gems,

Or bronze or copper, white or red,

Wax, lead, or tin,

Iron, wood, or clay,

Hoặc dùng keo, sơn,  
vải

Nghiêm sức làm tượng  
Phật

Những người như thế  
đó

Đều đã thành Phật đạo

Vẽ vờ làm tượng Phật

Trăm tướng phước  
trang nghiêm

Or, perhaps, lacquered cloth,

In making Buddha images;

Persons such as these

Have realized the Buddha Way.

Those who painted bright Buddha  
images,

Adorned with the marks of their  
hundreds of blessings,

Tự làm hoặc bảo người

Đều đã thành Phật đạo.

Nhẫn đến đồng tử giỡn

Hoặc cỏ cây và bút

Hoặc lấy móng tay

mình

Mà vẽ làm tượng Phật

Những hạng người như

thế

Whether they did it themselves or  
employed others,

Have realized the Buddha Way.

Even children who, at play,

Who with a straw, a stick, or pen,

Or even with their fingernails,

Drew images of the Buddha,

People such as these,

Lần lần chứa công-đức

Đầy đủ tâm đại bi

Đều đã thành Phật đạo

Chỉ dạy các Bồ-Tát

Độ thoát vô lượng

chúng.

Gradually accumulated merit and  
virtue,

Perfected the heart of great  
compassion,

And have realized the Buddha  
Way.

They teach only Bodhisattvas,

And rescue countless multitudes.

32. Nếu người nơi tháp  
miếu

Tượng báu và tượng vẽ

Dùng hoa, hương,  
phan, lọng

Lông kính mà cúng  
dường

Hoặc khiến người trôi  
nhạc

32. Should persons, in stupas or in  
temples,

Make offerings with a reverent  
heart,

To jeweled or painted images,

With flowers, incense, banners, or  
canopies,

Or should they cause others to  
make music,

Đánh trống, thổi sừng  
ốc

Tiêu địch, cầm, không-  
hầu

Tỳ-bà, chụp-chả đồng  
Các tiếng hay như thế

Đem dùng cúng dường  
hết

Hoặc người lòng vui  
mừng

With drums, horns, or conches,

Pan-pipes, flutes, lutes or bamboo  
lyres,

Guitars, cymbals, or brass gongs,

With many wondrous sounds as  
these,

Played solely as offerings...

Or if, with happy hearts, with  
songs



Ca ngâm khen đức  
Phật  
Nhẫn đến một tiếng  
nhỏ  
Đều đã thành Phật đạo

33. Nếu người lòng tán  
loạn  
Nhẫn đến dùng một  
hoa

And chants they praised the  
Buddha's virtues,  
With even just one small sound,  
They have realized the Buddha  
Way.

33. If people with scattered minds  
Have given but a single flower

Cúng dường nơi tượng  
vẽ

Lần thấy các đức Phật

Hoặc có người lễ lạy

Hoặc lại chỉ chấp tay

Nhẫn đến giờ một tay

Hoặc lại hơi cúi đầu

Dùng đây cúng dường  
tượng

As an offering to a painted image,

They shall gradually see  
numberless Buddhas.

If they bowed in worship,

Or merely placed their palms  
together,

Or even raised a single hand,

Or gave a slight nod of the head,

As an offering to the images,

Lần thấy vô lượng  
Phật

Tự thành đạo vô  
thượng

Rộng độ chúng vô số

Vào Vô dư Niết-bàn

Như củi hết lửa tắt.

They shall gradually see countless  
Buddhas,

And have, themselves, realized the  
Buddha Way.

They will rescue countless  
multitudes,

And enter Nirvana without  
residue,

As a fire goes out when the fuel  
has been consumed.

Nếu người tâm tán  
loạn

Bước vào trong tháp  
chùa

Chỉ niệm Nam-mô  
Phật

Đều đã thành Phật đạo

Nơi các Phật quá khứ  
Tại thế, hoặc diệt độ,

If people with scattered minds,

Enter stupas or temples,

And say but once, “Namo  
Buddha,”

They have realized the Buddha  
Way.

Be it from Buddhas of the past,  
While existent, or after their  
extinction,

Có người nghe pháp  
này  
Đều đã thành Phật đạo

34. Các Thế-Tôn vị lai

Số nhiều không thể  
lường

Các đức Như-Lai đó  
Cùng phương tiện nói  
pháp.

Those who have heard this  
Dharma,  
Have realized the Buddha Way.

34. The World Honored Ones of  
the future,

Are limitless in number;

All of these Thus Come Ones,  
Will also speak the Dharma of  
expedient devices.

Tất cả các Như-Lai  
Dùng vô lượng phương  
tiện

Độ thoát các chúng  
sinh

Vào trí vô lậu Phật,

Nếu có người nghe  
pháp

Không ai chẳng thành  
Phật.

All of the Thus Come Ones,  
By means of limitless expedients,

Help all living beings

To enter the Buddha's non-  
outflow wisdom.

Of those who have heard the  
Dharma,

None will fail to become Buddhas.

Các Phật vốn thệ  
nguyện

Ta tu hành Phật đạo

Khắp muốn cho chúng  
sinh

Cũng đồng được đạo  
này.

Các Phật đời vị lai

All the Buddhas have made this  
vow

“As to the Buddha Way which I  
have walked,

I wish to lead all living beings

Alike to obtain this Path.”

And although the Buddhas of the  
future

Dầu nói trăm nghìn ức

Vô số các pháp môn  
Kỳ thực vì nhất thừa.

Các Phật Lương-Túc-  
tôn

Biết pháp thường  
không tánh

Giống Phật theo duyên  
sinh

Will speak a hundred thousand  
million,

Countless Dharma-doors,  
They are, in fact, for the sake of  
One Vehicle.

All Buddhas, Doubly Perfect  
Honored Ones,

Know the Dharmas are eternally  
without a nature.

The Buddha-seed arises from  
conditions;



Cho nên nói nhưt thừa.

Pháp đó trụ ngôi pháp

Tướng thế gian thường  
còn

Nơi đạo tràng biết rồi

Đức Phật phương tiện  
nói.

Thus they speak of the One  
Vehicle.

This Dharma abides in the  
Dharma's position,

Dwelling forever in worldly  
marks.

Having understood this in the  
Bodhimanda,

The Guiding Master teaches it  
expediently.

Hiện tại mười phương  
Phật

Của trời người cúng  
dường

Số nhiều như hằng sa

Hiện ra nơi thế gian

Vì an ổn chúng sanh

Cũng nói pháp như  
thế.

The Buddhas of the present in the  
ten directions,

Those who receive the offerings of  
gods and humans,

Their number like the Ganges'  
sands,

Manifest within the world

To bring peace and comfort to  
living beings,

And also speak Dharma such as  
this.

Biết vắng bật thứ nhứt

Bởi dùng sức phương  
tiện

Dầu bày các món đạo

Kỳ thực vì Phật thừa

Biết các hạnh chúng  
sinh

Thâm tâm nó nghĩ nhớ

Knowing the foremost still  
extinction,

They use the power of expedients  
To demonstrate the various paths,  
In reality, for the sake of the  
Buddha Vehicle.

Knowing the conduct of living  
beings,

The thoughts deep within their  
minds,

Their habitual actions in the past,

Nghiệp quen từ quá  
khứ

Tánh dục, sức tinh tấn

Và các căn lợi độn

Dùng các món nhân  
duyên

Thí dụ cùng lời lẽ

Tùy cơ phương tiện  
nói.

35. Ta nay cũng như  
vậy

The nature of their desire,

the power of their vigor,

And their faculties, keen or dull,

They employ various causes and  
conditions,

Analogies and verbal expressions,

To teach them the appropriate  
expedients.

35. Now I, too, am like them.

Vì an ổn chúng sanh

Dùng các món pháp  
môn

Rao bày nơi Phật đạo

Ta dùng sức trí huệ

Rõ tánh dục chúng  
sanh

Phương tiện nói các  
pháp

To bring peace and comfort to  
living beings.

Using various Dharma-doors,

I proclaim the Buddha Way

I use the power of my wisdom,

To know the nature of beings'  
desires;

I speak all dharmas expediently,

Đều khiến được vui  
mừng.

Xá-Lợi-Phất nên biết!  
Ta dùng mắt Phật xem

Thấy sáu đường chúng  
sinh

Nghèo cùng không  
phước huệ

Vào đường hiểm sanh  
tử

To lead them all to happiness.

Shariputra, you should know,  
As I regard them with my Buddha  
Eye,

I see living beings in the six paths,

Impoverished, lacking blessings  
and wisdom,

Entering the dangerous path of  
birth and death,

Khổ nỗi luôn không  
dứt

Sâu tham nơi ngũ dục

Như trâu “mao” mền  
đuôi

Do tham ái tự che

Đui mù không thấy  
biết

Chẳng cầu Phật thể lớn

Where they suffer unremittingly.

They are deeply attached to the  
five desires,

Like a yak caring for its tail,  
They smother themselves with  
greed and love,

Blind, and in darkness, seeing  
nothing.

They do not seek the mighty  
Buddha,

Cùng pháp dứt sự khổ

Sâu vào các tà kiến

Lấy khổ muốn bỏ khổ

Phật vì chúng sanh này

Mà sanh lòng đại bi

Or the Dharma which cuts off  
suffering,

But instead they deeply enter into  
deviant views;

With suffering, they wish to cast  
off suffering.

For the sake of these beings,

I give rise to the great compassion  
heart.



36. Xưa, tu ngồi đạo  
tràng

Xem cây cùng kinh  
hành

Trong hai mươi một  
ngày

Suy nghĩ việc như vậy:

Trí huệ của ta được

Vi diệu rất thú nhứt

36. When first I sat in the  
Bodhimanda,

In contemplation, or walking  
about the tree,

For a full three times seven days,

I thought over matters such as  
these:

The wisdom which I have  
obtained,

Is subtle, wonderful, and foremost,

Chúng sanh các căn  
chậm

Tham vui si làm mù

Các hạng người như  
thế

Làm sao mà độ được?

Bấy giờ các Phạm-  
vương

Cùng các trời Đế-  
Thích

But living beings are dull-rooted,

Attached to pleasure, blinded by  
delusion;

Beings such as these,

How can they possibly be saved?

Just then the Brahma Heaven  
Kings,

As well as the God Shakra,

Bốn Thiên-vương hộ  
đời

Và trời Đại-Tự-Tại

Cùng các thiên chúng  
khác

Trăm nghìn ức quyền  
thuộc

Chắp tay cung kính lễ

The Four World-Protecting God  
Kings,

The god of the Heaven of Great  
Comfort,

And the other heavenly  
multitudes,

With retinues numbering in the  
billions

Reverently placed their palms  
together,

Thỉnh ta chuyển pháp-  
luân.

Ta liền tự suy nghĩ  
Nếu chỉ khen Phật thừa

Chúng sanh chìm nơi  
khổ

Không thể tin pháp đó

Do phá pháp không tin

And requested me to turn the  
Dharma-wheel.

I then thought to myself,  
“Were I to praise only the Buddha  
Vehicle,

Beings sunk in suffering

Would be unable to believe this  
Dharma.

They would slander it out of  
disbelief,

Rớt trong ba đường dữ  
Ta thà không nói pháp

Mau vào cõi Niết-bàn  
Liên nhớ Phật quá khứ

Thực hành sức phương  
tiện

Ta nay chúng được  
đạo

And fall into the three evil paths.  
It is better that I do not speak the  
Dharma,

But quickly enter into Nirvana.”

Then I recalled that the Buddhas  
of the past

Practiced powerful expedients,

And as I now have obtained the  
Path,

Cũng nên nói ba thừa.

37. Lúc ta nghĩ thế đó  
Mười phương Phật đều  
hiện

Tiếng Phạm an-ủi ta

Hay thay! Đức Thích-  
Ca

Bậc Đạo-Sư thứ nhất

It is fitting that I also teach Three  
Vehicles.

37. When I had been thinking thus,  
The Buddhas of the ten directions  
all appeared,

And with the Brahma sound  
encouraged me, saying,

“Good indeed, O Shakyamuni,

Foremost Guiding Master.

Được pháp vô thượng  
ấy

Tùy theo tất cả Phật

Mà dùng sức phương  
tiện

Chúng ta cũng đều  
được

Pháp tối diệu thứ nhất

Having attained the supreme  
Dharma,

You follow the precedent of all  
Buddhas,

To employ the power of expedient  
devices.

We have all obtained as well,

That foremost Dharma, most  
wonderful.

Vì các loại chúng sanh

Phân biệt nói ba thừa.

Trí kém ưa pháp nhỏ

Chẳng tự tin thành

Phật

Cho nên dùng phương  
tiện

For the various kinds of living  
beings,

We discriminate and teach Three  
Vehicles.

Those of little wisdom who delight  
in lesser dharmas,

Would not believe that they could  
become Buddhas.

That is why we use expedient  
means,



Phân biệt nói các quả

Dầu lại nói ba thừa

Chỉ vì dạy BỒ-Tát.

38. Xá-Lợi-Phất nên  
biết!

Ta nghe các đức Phật

To discriminate and teach the  
various fruits.

Although Three Vehicles are  
taught,

It is only for the sake of teaching  
Bodhisattvas.”

38. Shariputra, you should know,

That when I heard the Sagely  
Lions’

Tiếng nhiệm màu rất  
sạch

Xung: “Nam-mô chư  
Phật!”

Ta lại nghĩ thế này  
Ta ra đời trước ác

Như các Phật đã nói  
Ta cũng thuận làm  
theo

Suy nghĩ việc đó rồi

Deep, pure, and wondrous sound,

I called out “Homage to all  
Buddhas.”

And further had this thought,  
“I have come into a turbid, evil  
world;

As the Buddhas speak,  
I should follow in accord.”

Having thought upon this matter,

Liền đến thành Ba-Nại.

Các pháp tướng tịch  
diệt

Không thể dùng lời  
bày

Bèn dùng sức phương  
tiện

Vì năm Tỳ-kheo nói.

Đó gọi chuyển pháp  
luân

Bèn có tiếng Niết-bàn

I went straightaway to Varanasi.

Since the still and extinct mark of  
all dharmas,

Cannot be expressed in words,

I used the power of expedients,

To instruct the five Bhikshus.

This was called the turning of the  
Dharma-wheel.

Then came the sound of Nirvana,

Cùng với A-la-hán  
Tên pháp, tăng sai  
khác.

Từ kiếp xa nhân lại  
Khen bày Pháp Niết-  
bàn

Dứt hẳn khổ sống chết

Ta thường nói như thế

As well as “Arhatship,”  
“Dharma,” and the “Sangha,”  
various names.

From remote eons onward,  
I have praised and shown  
Nirvana’s dharma,

As the final end of birth and  
death’s sufferings;

Always have I spoken thus.

39. Xá-Lợi-Phất phải  
biết

Ta thấy các Phật tử  
Chí quyết cầu Phật đạo

Vô lượng nghìn muôn  
ức

Đều dùng lòng cung  
kính

Đồng đi đến chỗ Phật

39. Shariputra, you should know,

I see disciples of the Buddha,  
Resolutely seeking the Buddha  
Way,

Limitless thousands of myriads of  
millions of them,

All with hearts of reverence,

All coming before the Buddha.

Từng đã theo các Phật

Nghe nói pháp phương  
tiện

Ta liền nghĩ thế này

Sở dĩ Phật ra đời

Đề vì nói Phật huệ

Nay chính đã đúng giờ.

They had heard, from former  
Buddhas,

Expedient teachings of the  
Dharma.

This causes me to think,

“The reason why the Thus Come  
One appears,

Is to teach the wisdom of the  
Buddha,

And now the time is exactly  
right.”

40. Xá-Lợi-Phất phải  
biết!

Người căn chậm trí  
nhỏ

Kẻ chấp tướng kiêu  
mạn

Chẳng thể tin pháp này

Nay ta vui vô-úy

Ở trong hàng Bồ-Tát

40. Shariputra, you should know,

Those with dull faculties and  
slight wisdom,

Those attached to marks, the  
arrogant,

Cannot believe this Dharma.

I now rejoice and have no fear,

And among the Bodhisattvas,

Chính bỏ ngay phương  
tiện

Chỉ nói đạo vô thượng.

Bồ-Tát nghe pháp đó

Đều đã trừ lưới nghi

Nghìn hai trăm La-hán

Cũng đều sẽ thành

Phật

I shall cast expedients aside and be  
straightforward,

Speaking only of the supreme  
Path.

When the Bodhisattvas have heard  
this Dharma,

The network of their doubts will  
be rent (destroyed);

Twelve hundred Arhats

Will all attain to Buddhahood.



Như nghi thức nói  
pháp

Của các Phật ba đời

Ta nay cũng như vậy  
Nói pháp không phân  
biệt

Các đức Phật ra đời  
Lâu xa khó gặp gỡ  
Chính sử hiện ra đời

As the Buddhas of the three  
periods of time

In such a manner spoke the  
Dharma,

So do I likewise now expound  
The undiscriminated Dharma.

All Buddhas come into the world  
But rarely, and are hard to meet;  
And when they appear in the  
world,

Nói pháp này khó hơn

Vô lượng vô số kiếp  
Nghe pháp này cũng  
khó,

Hay nghe được pháp  
này

Người đó cũng lại khó  
Thí như hoa linh-thoại  
Tất cả đều ưa mến  
Ít có trong trời, người

It is hard for them to speak the  
Dharma.

Throughout countless eons, too,  
It is difficult to hear this Dharma.

And those who can hear this  
Dharma—

Such people too, are rare,  
Like the udumbara flower,  
In which all take delight,  
Which the gods and humans prize,

Lâu lâu một lần trổ.

41. Người nghe pháp  
mừng khen  
Nhấn đến nói một lời  
Thời là đã cúng dường

Tất cả Phật ba đời  
Người đó rất ít có  
Hơn cả hoa Ưu-đàm.

For it blooms but once in a long,  
long time

41. So one who hears this Dharma,  
gives joyful praise,  
With even just a single word,  
Has thereby made offerings,  
To all the Buddhas of the three  
periods of time.  
Such people are extremely rare,  
Rarer than the udumbara flower.

Các ông chớ có nghi  
Ta là vua các pháp  
Khắp bảo các đại  
chúng  
Chỉ dùng đạo nhất  
thừa  
Dạy bảo các Bồ-Tát  
  
Không Thanh-văn đệ  
tử

All of you should have no doubts,  
For I am the Dharma King;  
I declare to the assembly:  
  
I use only the path of One Vehicle,  
  
To teach and transform  
Bodhisattvas.  
There are no Hearer Disciples.

42. Xá-Lợi-Phất các  
ông!

Thanh-văn và Bồ-Tát  
Phải biết pháp môn này

Bí yếu của các Phật

Bởi đời ác năm trược

Chỉ tham ưa các dục

42. Shariputra, all of you,

The Hearers and Bodhisattvas,  
Should know that this wondrous  
Dharma

Is the secret essence of all  
Buddhas.

In the evil world of five  
turbidities,

Beings who are blissfully attached

Những chúng sanh như  
thế

Trọn không cầu Phật  
đạo

Người ác đời sẽ tới

Nghe Phật nói nhứt  
thừa

Mê lầm không tin nhận

Phá pháp đọa đường  
dữ

To pleasures and desires,

Will never seek the Buddha Way.

Evil people of the future,

Hearing the Buddha speak of One  
Vehicle,

In their delusion will not accept or  
believe it,

But will slander it and fall into the  
evil paths.

Người tâm quý trong  
sạch

Quyết chí cầu Phật đạo

Nên vì bọn người ấy  
Rộng khen đạo nhất  
thừa.

Xá-Lợi-Phất nên biết  
Pháp các Phật như thế

Still, those with shame and purity,

Who resolutely seek the Buddha  
Way,

For such ones as these I praise  
The path of One Vehicle,  
extensively.

Shariputra, you should know,  
The Dharma of all Buddhas is like  
this:

Dùng muôn ức phương  
tiện

Tùy thời nghi nói pháp

Người chẳng học tập  
tu

Không hiểu được pháp  
này

Các ông đã biết rõ

Phật là thầy trong đời

By means of millions of  
expedients,

I speak Dharma in accord with  
what is appropriate.

But those who do not study it,

Will never come to understand it.

Since all of you already know

All Buddhas, Masters of the  
World,



Việc phương-tiện tùy  
nghĩ  
Không còn lại nghi  
lâm  
Lòng sinh rất vui  
mừng  
Tự biết sẽ thành Phật.

Work by means of appropriate  
expedients,  
You should have no further  
doubts.  
Let your hearts be filled with joy;  
  
You know you will reach  
Buddhahood.

KINH DIỆU-PHÁP  
LIÊN-HOÀ  
Quyển Thứ Nhất

Một sáng chiếu  
phương đông, thể diệu  
toàn bày, chẳng phải  
chỗ suy lường mà suy  
lường được, thâm hiểu  
ở trong lòng, phương  
tiện truyền bày một  
đạo nhả hương trời.

NAM-MÔ PHÁP-  
HOA HỘI-THƯỢNG

PHẬT BỒ-TÁT (3  
lần)

Thế-Tôn hiện điềm tốt,  
Di-Lặc nghi tướng  
lành, Văn-Thù vì  
chúng rộng phô bày:  
Phật xưa phóng hào-  
quang. Ba phen mời  
đấng Pháp Vương vì  
nói hương Diệu-Liên.

NAM-MÔ QUÁ-KHÚ  
NHẬT-NGUYỆT  
ĐĂNG-MINH PHẬT  
(3 lần)